

Số: 1157/CV-BVPY  
V/v yêu cầu báo giá

Phù Yên, ngày 17 tháng 10 năm 2025

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa khu vực Phù Yên, tỉnh Sơn La có nhu cầu tiếp nhận báo giá hoá chất, vật tư dùng cho máy xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán invitro làm căn cứ xây dựng giá để tổ chức lựa chọn nhà thầu Mua hoá chất, vật tư dùng cho máy xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán invitro năm 2025 của Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên, tỉnh Sơn La với nội dung cụ thể như sau:

### I. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa khu vực Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Địa chỉ: Tiểu khu 1, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá

- DSCK1: Hà Thị Thu Hương - Trưởng khoa Dược - TBYT.

- ĐT: 0972.189.383.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá

- Nhận trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện tại địa chỉ: Khoa Dược – Thiết bị y tế.

- Địa chỉ: Tiểu khu 1, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Nhận qua email: [khoaduocvattuthietbiyte@gmail.com](mailto:khoaduocvattuthietbiyte@gmail.com).

- Số lượng: 03 bản báo giá

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15 giờ 00 phút ngày 17 tháng 10 năm 2025 đến trước 15 giờ 00 phút ngày 27 tháng 10 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá

Tối thiểu 90 ngày từ ngày 27/10/2025.

### II. NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Danh mục: Mua hoá chất, vật tư dùng cho máy xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán invitro năm 2025 của Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên, tỉnh Sơn La yêu cầu báo giá.

(Có phụ lục I kèm theo).

## 2. Địa điểm cung cấp

- Khoa Dược - TBYT, Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên.
- Hàng hóa phải được đóng gói theo đúng quy cách của Nhà sản xuất và không bị hư hỏng, nứt vỡ, biến dạng trong quá trình giao hàng. Công ty chịu chi phí vận chuyển hàng, bốc xếp; chi phí trả lại hàng (nếu hàng hóa không đạt yêu cầu).

## 3. Thời gian giao hàng dự kiến

Trong vòng 48 giờ kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (bao gồm toàn bộ quá trình bàn giao, chạy thử, nghiệm thu hợp đồng).

**4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:** Thanh toán theo từng đợt, theo số lượng thực tế mua sắm.

## 5. Các thông tin khác (nếu có)

### 5.1. Yêu cầu hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau

- Báo giá theo mẫu (Chi tiết tại phụ lục II đính kèm).
- Hợp đồng mua bán tương tự (nếu có).
- Catalog, hợp đồng tương tự, cấu hình và tính năng kỹ thuật của thiết bị và các tài liệu khác liên quan (nếu có).

### 5.2. Các quy định đối với báo giá

- Báo giá có đầy đủ các nội dung theo biểu mẫu đính kèm trong yêu cầu báo giá.
- Báo giá phải được đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá ký và đóng dấu theo quy định.

Rất mong nhận được sự quan tâm và hợp tác của các quý công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

### Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐ KHKT BV;
- Đăng tải: <https://muasamcong.mpi.gov.vn> và Website bệnh viện;
- Lưu: VT, HST.

**TUQ. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Vì Duy Hiệp**

# PHỤ LỤC I

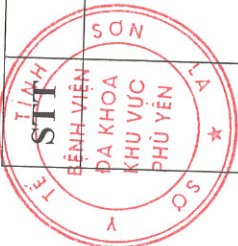
**Danh mục: Mua hoá chất, vật tư dùng cho máy xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán invitro năm 2025 của Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên, tỉnh Sơn La**

(Kèm theo Công văn số: 1154/CV-BVPY ngày 17/10/2025 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Phù Yên)



| Danh mục hàng hóa                                                                                                                                       |                             | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| <b>Phần 1 - Mua hóa chất, vật tư dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động sử dụng nguyên lý phân tích độ hấp thụ quang học, đo độ đục (27 mặt hàng)</b> |                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |                  |
| 1                                                                                                                                                       | Hóa chất định lượng Albumin | <p>Để xác định định lượng nồng độ Albumin trong huyết thanh và huyết tương trên hệ thống đo quang trong chân đoán in vitro.</p> <p>Phương pháp đo: Bromocresol Green Method.</p> <p>Dải tuyến tính: 3-60g/L.</p> <p>Thành phần gồm:</p> <p>Hóa chất R: Citrate buffer: 30 mmol/L; Bromocresol green: 0.26 mmol/L; Surfactant: 1.5 g/L.</p>                                                                                                                                                                       | ml          | 3.600            |
|                                                                                                                                                         | Hóa chất định lượng GPT/ALT | <p>Để xác định định lượng hoạt tính Alanine Aminotransferase trong huyết thanh và huyết tương trên hệ thống đo quang trong chân đoán in vitro.</p> <p>Phương pháp đo: IFCC Method mà không có hoạt hóa pyridoxal phosphate.</p> <p>Dải tuyến tính: 4-1000 U/L.</p> <p>Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất R1: Tris-buffer: 150 mmol/L; L-Alanine: 750 mmol/L; LDH ≥1200 U/L; NADH: 0.4 mmol/L.</li> <li>- Hóa chất R2: α-Oxoglutarate: 90 mmol/L; NADH: 0.9 mmol/L.</li> </ul> | ml          | 10.074           |



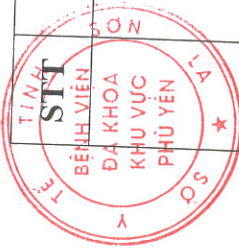
|  | Danh mục hàng hóa                       | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 3                                                                                   | Hóa chất định lượng<br>GOT/AST          | <p>Thuốc thử AST dùng để xác định định lượng hoạt độ AST trong huyết thanh hoặc huyết tương trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro.</p> <p>Phương pháp đo: IFCC method mà không có hoạt hóa pyridoxal phosphate.</p> <p>Dải tuyến tính: 4-800 U/L.</p> <p>Thành phần gồm:</p> <p>Hóa chất R1: Tris Buffer: 100 mmol/L; L-aspartate: 300 mmol/L; LDH <math>\geq</math> 900 U/L; MDH <math>\geq</math> 600 U/L; NADH: 0.4 mmol/L.</p> <p>Hóa chất R2: <math>\alpha</math>-oxoglutarate: 60 mmol/L; NADH: 0.9 mmol/L.</p> | ml          | 10.074           |
| 4                                                                                   | Hóa chất định lượng Protein             | <p>Để xác định định lượng nồng độ Protein trong huyết thanh và huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro.</p> <p>Phương pháp đo: Biuret Method.</p> <p>Dải tuyến tính: 2-120g/L.</p> <p>Thành phần gồm:</p> <p>Hóa chất R: Sodium-potassium tartrate 32 mmol/L; Sodium hydroxide 200 mmol/L; Potassium iodide 30 mmol/L; Cupric sulfate 12 mmol/L.</p>                                                                                                                                                  | ml          | 2.160            |
| 5                                                                                   | Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp | <p>Để xác định định lượng nồng độ Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh, huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro.</p> <p>Phương pháp đo: DSA Method.</p> <p>Dải tuyến tính: 1-260 <math>\mu</math>mol/L.</p> <p>Thành phần gồm:</p> <p>- Hóa chất R1: Hydrochloric acid : 170 mmol/L; Sulfanilic acid : 29 mmol/L.</p> <p>- Hóa chất R2: Sodium nitrite: 72 mmol/L.</p>                                                                                                                               | ml          | 2.400            |



|  | Danh mục hàng hóa                       | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 6                                                                                   | Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần | <p>Để xác định định lượng nồng độ Bilirubin toàn phần trong huyết thanh, huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chần đoán in vitro.</p> <p>Phương pháp đo: DSA Method.</p> <p>Dải tuyến tính: 1.7-600 <math>\mu\text{mol/L}</math>.</p> <p>Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất R1: Hydrochloric acid : 100 mmol/L; Sulfanilic acid : 5 mmol/L; Surfactant: 1% (m/v).</li> <li>- Hóa chất R2: Sodium nitrite: 72 mmol/L.</li> </ul>                                                                      | ml          | 3.120            |
| 7                                                                                   | Hóa chất định lượng Gamma-GT (GGT)      | <p>Thuốc thử GGT dùng để xác định định lượng Gamma-Glutamyltransferase hoạt động trong huyết thanh hoặc huyết tương người trên hệ thống trắc quang.</p> <p>Phương pháp đo: Szasz Method/IFCC stand.</p> <p>Dải tuyến tính: 4-650 U/L (0.07 – 10.83 <math>\mu\text{kat/L}</math>).</p> <p>Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất R1: TRIS buffer 100 mmol/L; Glycyl-glycine 150 mmol/L.</li> <li>- Hóa chất R 2 : L-<math>\gamma</math>-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 20 mmol/L.</li> </ul>                     | ml          | 2.190            |
| 8                                                                                   | Hóa chất định lượng Amylase             | <p>Thuốc thử dùng để xác định định lượng hoạt tính của <math>\alpha</math>-Amylase (1,4-<math>\alpha</math>-D-glucanohydrolases) trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu trên hệ thống đo quang.</p> <p>Phương pháp đo: IFCC Method.</p> <p>Dải tuyến tính: 5-1500 U/L.</p> <p>Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất R1: Tris buffer: 50 mmol/L; Magnesium sulphate: 10 mmol/L; <math>\alpha</math>-Glucosidase: 4500 U/L.</li> <li>- Hóa chất R2: Tris buffer: 50 mmol/L; F-pNP-G7: 5.5 mmol/L.</li> </ul> | ml          | 1.296            |

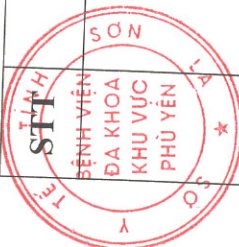


| STT | Danh mục hàng hóa                 | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 9   | Hóa chất định lượng Cholesterol   | <p>Để xác định định lượng nồng độ Cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chần đoán in vitro.</p> <p>Phương pháp đo: CHOD-POD Method.</p> <p>Dải tuyến tính: 0.1-20.0 mmol/L.</p> <p>Thành phần gồm:</p> <p>Hóa chất R: Phosphate buffer 100 mmol/L; Phenol 5 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0.3 mmol/L; Cholesterol esterase &gt;150 KU/L; Cholesterol oxidase &gt;100 KU/L; Peroxidase 5 KU/L.</p>                                                                                  | ml          | 7.200            |
| 10  | Hóa chất định lượng Triglycerides | <p>Để xác định định lượng nồng độ Triglycerides trong huyết thanh và huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chần đoán in vitro.</p> <p>Phương pháp đo: GPO-POD Method.</p> <p>Dải tuyến tính: 0.1-12.5 mmol/L.</p> <p>Thành phần gồm:</p> <p>Hóa chất R: Phosphate buffer 50 mmol/L; 4-Chlorophenol 5 mmol/L; ATP 2 mmol/L; Mg<sup>2+</sup>: 4.5 mmol/L; Glycerokinase ≥0.4 U/mL; Peroxidase ≥0.5 U/mL; Lipoprotein lipase ≥1.3 U/mL; 4-Aminoantipyrine 0.25 mmol/L; Glycerol-3-phosphate oxidase ≥1.5 U/mL.</p> | ml          | 7.200            |



| STT | Danh mục hàng hóa                   | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 11  | Hóa chất định lượng LDL Cholesterol | <p>Để xác định định lượng nồng độ LDL-Cholesterol trong huyết thanh, huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chần đoán in vitro.</p> <p>Phương pháp đo: Direct Method.</p> <p>Dải tuyến tính: 0.05-20 mmol/L.</p> <p>Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất R1: Good's buffer 50 mmol/L; Cholesterol esterase 600 U/L; Cholesterol oxidase 500 U/L; Catalase 600 KU/L; TOOS 2 mmol/L.</li> <li>- Hóa chất R2: Good's buffer 50 mmol/L; 4-aminoantipyrine 4 mmol/L; Peroxidase 4 U/mL</li> </ul>                                    | ml          | 5.372            |
| 12  | Hóa chất định lượng Creatinine      | <p>Để xác định định lượng nồng độ creatinine trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu trên hệ thống đo quang trong chần đoán in vitro.</p> <p>Phương pháp đo: Sarcosine Oxidase Method.</p> <p>Dải tuyến tính: 10-7000 <math>\mu</math>mol/L.</p> <p>Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất R1: CRTase &gt; 40KU/L; Sarcosine Oxidase &gt; 7KU/L; Ascorbic acid oxidase 2KU/L; Catalase &gt; 100KU/L; ESPMT 0.47mM.</li> <li>Hóa chất R2: Creatininase &gt; 400KU/L; Peroxidase &gt; 50KU/L; 4-aminoantipyrine 2.95 mmol/L.</li> </ul> | ml          | 12.800           |



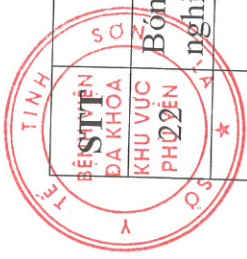


| STT | Danh mục hàng hóa           | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 13  | Hóa chất định lượng Glucose | <p>Để xác định định lượng nồng độ Glucose trong huyết thanh và huyết tương trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro.</p> <p>Phương pháp: Glucose oxidase-Peroxidase (GOD-POD) method.</p> <p>Dải tuyến tính: 0.3-25 mmol/L.</p> <p>Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất R1: Phosphate buffer 100 mmol/L; Ascorbate oxidase 4700 U/L; Glucose oxidase 4000 U/L.</li> <li>- Hóa chất R2: Phosphate buffer 100 mmol/L; Peroxidase 6700 U/L; 4-Aminoantipyrine 0.7 mmol/L; p-Hydroxybenzoic acid sodium 1.3 mmol/L.</li> </ul> | ml          | 10.074           |
| 14  | Hóa chất định lượng Urea    | <p>Để xác định định lượng nồng độ Urea trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro.</p> <p>Phương pháp đo: Urease-GLDH, UV Method.</p> <p>Dải tuyến tính: 0.9-40.0 mmol/L.</p> <p>Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất R1: Tris buffer 120 mmol/L; ADP 750 mmol/L; Urease <math>\geq 40</math> KU/L; GLDH <math>\geq 0.4</math> KU/L.</li> <li>- Hóa chất R2: NADH 1.2 mmol/L; <math>\alpha</math>-Oxoglutarate 25 mmol/L.</li> </ul>                                       | ml          | 13.320           |

| STT | Danh mục hàng hóa                            | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 15  | Hóa chất định lượng Uric Acid                | <p>Để xác định định lượng nồng độ uric acid trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro.</p> <p>Phương pháp đo: Uricase-Peroxidase Method.</p> <p>Dải tuyến tính: 20.8-1500 <math>\mu\text{mol/L}</math>.</p> <p>Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất R1: Phosphate buffer 70 mmol/L; Peroxidase 5000 U/L; Ascorbate oxidase 3000 U/L; TOOS 0.72 mmol/L.</li> <li>- Hóa chất R2: Phosphate buffer 70 mmol/L; Peroxidase 10000 U/L; 4-Aminoantipyrine 1.7 mmol/L; Uricase 750 U/L.</li> </ul> | ml          | 1.752            |
| 16  | Hoá chất định lượng C-reactive protein (CRP) | <p>Để xác định định lượng nồng độ CRP trong huyết thanh trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán lâm sàng in vitro.</p> <p>Phương pháp đo: Turbidimetry Method.</p> <p>Dải tuyến tính: 2 - 250 mg/L.</p> <p>Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất R1: Tris buffer 100 mmol/L; PEG 0.26 mmol/L; Surfactant &lt; 2 % (m/v).</li> <li>- Hóa chất R2: Tris buffer 100 mmol/L; Anti-human CRP antibody.</li> </ul>                                                                                                                                           | ml          | 1.620            |
| 17  | Hoá chất hiệu chuẩn C-reactive protein (CRP) | <p>Hoá chất hiệu chuẩn C-reactive protein được sử dụng để hiệu chuẩn xác định định lượng chất phân tích proteins đặc hiệu trên hệ thống đo.</p> <p>Hoá chất hiệu chuẩn C-reactive protein là chất hiệu chuẩn lỏng dựa trên huyết thanh người.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | ml          | 20               |

| STT | Danh mục hàng hóa                   | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 18  | Hóa chất định lượng HbA1c           | <p>Để xác định định lượng nồng độ HbA1c trong mẫu toàn phần người trên hệ thống đo quang trong chần đoán in vitro.</p> <p>Phương pháp đo: Enzymatic Assay Method.</p> <p>Dải tuyến tính: 3%-16%.</p> <p>Thành phần gồm:</p> <p>Hóa chất R (Hb)/R1 (HbA1c)/R1 : Tris buffer 2.7 mmol/L.</p> <p>Hóa chất R1/R2 : Peroxidase 1500 U/L; Fructosyl peptide oxidase 1500 U/L; Pretreatment Solution: Hemolysin 5 g/L; Calibrator; Quality control.</p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn HbA1c được sử dụng để hiệu chuẩn xác định định lượng Hemoglobin A1c trên hệ thống đo.</p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn HbA1c là chất bột đồng khô dựa trên máu người.</p> | ml          | 2.272            |
| 19  | Hóa chất hiệu chuẩn HbA1c           | <p>Hóa chất hiệu chuẩn HbA1c được sử dụng để hiệu chuẩn xác định định lượng Hemoglobin A1c trên hệ thống đo.</p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn HbA1c là chất bột đồng khô dựa trên máu người.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | ml          | 14               |
| 20  | Hóa chất kiểm chuẩn HbA1c mức dương | <p>Hóa chất kiểm chuẩn HbA1c mức dương được sử dụng trong kiểm soát chất lượng phân tích hóa học thông thường bằng cách giám sát độ chính xác và độ chụm của hệ thống đo và khả năng xét nghiệm của phòng xét nghiệm lâm sàng.</p> <p>Hóa chất kiểm chuẩn HbA1c mức dương là chất kiểm chuẩn đồng khô dựa trên máu người.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | ml          | 44               |
| 21  | Hóa chất kiểm chuẩn HbA1c mức âm    | <p>Hóa chất kiểm chuẩn HbA1c mức âm được sử dụng trong kiểm soát chất lượng chất phân tích hóa học thông thường bằng cách giám sát độ chính xác và độ chụm của hệ thống đo và khả năng xét nghiệm của phòng xét nghiệm lâm sàng.</p> <p>Hóa chất kiểm chuẩn HbA1c mức âm là chất kiểm chuẩn đồng khô dựa trên máu người.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | ml          | 44               |

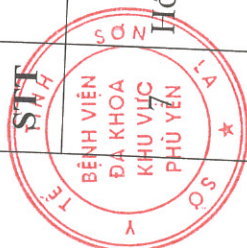




| Danh mục hàng hóa |                                               | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
|                   | Bóng đèn dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa     | Bóng đèn 20W dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Cái         | 4                |
| 23                | Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho máy sinh hóa | Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho máy sinh hóa được sử dụng trong kiểm soát chất lượng chất phân tích hóa học thông thường bằng cách giám sát độ chính xác và độ chụm của hệ thống đo và khả năng xét nghiệm của phòng xét nghiệm lâm sàng.<br>Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho máy sinh hóa là chất kiểm soát đồng khô dựa trên huyết thanh người.<br>Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho máy sinh hóa được sử dụng trong kiểm soát chất lượng chất phân tích hóa học thông thường bằng cách giám sát độ chính xác và độ chụm của hệ thống đo và khả năng xét nghiệm của phòng xét nghiệm lâm sàng.<br>Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho máy sinh hóa là chất kiểm soát đồng khô dựa trên huyết thanh người. | ml          | 360              |
| 24                | Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho máy sinh hóa  | Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho máy sinh hóa được sử dụng trong kiểm soát chất lượng chất phân tích hóa học thông thường bằng cách giám sát độ chính xác và độ chụm của hệ thống đo và khả năng xét nghiệm của phòng xét nghiệm lâm sàng.<br>Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho máy sinh hóa là chất kiểm soát đồng khô dựa trên huyết thanh người.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | ml          | 360              |
| 25                | Hóa chất hiệu chuẩn cho máy sinh hóa          | Hóa chất hiệu chuẩn xác định định lượng các chất phân tích hóa học thường quy trên hệ thống đo.<br>Thành phần: Hóa chất hiệu chuẩn cho máy sinh hóa là một chất hiệu chuẩn đồng khô dựa trên huyết thanh người. Nồng độ hoặc hoạt độ của các thành phần chất hiệu chuẩn là cụ thể theo từng lô.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | ml          | 150              |
| 26                | Dung dịch rửa máy phân tích sinh hóa          | Dung dịch rửa, dùng làm sạch định kì máy xét nghiệm sinh hóa tự động.<br>Thành phần: KOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt polyanionic, chất đệm và chất ổn định; đóng hộp/ lọ 2.000 ml.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | ml          | 60.000           |

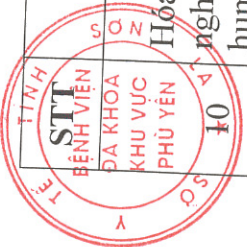
| Danh mục hàng hóa                                                                   |                                                                                                                                                                                                           | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
|  | Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm LDL-C                                                                                                                                                                      | Hóa chất hiệu chuẩn xác định định lượng chất phân tích lipid trên hệ thống đo.<br>Thành phần: Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm LDL-C là một chất hiệu chuẩn đông khô dựa trên huyết thanh người. Nồng độ của các thành phần chất hiệu chuẩn cụ thể theo từng lô. | ml          | 50               |
|                                                                                     | <b>Phần 2 - Mua hóa chất, vật tư dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động sử dụng phương pháp SF để đếm WBC, 5 thành phần bạch cầu và NRBC kết hợp phương pháp trở kháng cho RBC và PLT (8 mặt hàng)</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                |             |                  |
| 1                                                                                   | Hóa chất pha loãng                                                                                                                                                                                        | Hóa chất pha loãng sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                                                                                                                              | ml          | 2.400.000        |
| 2                                                                                   | Hóa chất ly giải                                                                                                                                                                                          | Hóa chất ly giải sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học.<br>Thành phần tối thiểu: Surfactant, Hepes Buffer.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                                                                             | ml          | 120.000          |
| 3                                                                                   | Hóa chất ly giải                                                                                                                                                                                          | Hóa chất ly giải sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học.<br>Thành phần tối thiểu: Surfactant, Borate Buffer.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                                                                            | ml          | 40.000           |
| 4                                                                                   | Hóa chất ly giải                                                                                                                                                                                          | Hóa chất ly giải sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học.<br>Thành phần tối thiểu: Citrate Buffer, Sodium Chloride, Surfactant.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                                                          | ml          | 120.000          |
| 5                                                                                   | Hóa chất nhuộm tế bào                                                                                                                                                                                     | Hóa chất nhuộm tế bào sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học.<br>Thành phần tối thiểu: Citrate Buffer; Sodium Chloride; Surfactant.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                                                     | ml          | 1.296            |
| 6                                                                                   | Hóa chất nhuộm tế bào                                                                                                                                                                                     | Hóa chất nhuộm tế bào sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học.<br>Thành phần tối thiểu: Fluorochrome, Ethylene Glycol.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                                                                   | ml          | 1.296            |



| STT                                                                                 | Danh mục hàng hóa                                                                                                                                                     | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
|  | Hóa chất kiểm chuẩn                                                                                                                                                   | Hoá chất kiểm chuẩn sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học.<br>Thành phần tối thiểu: hồng cầu người, bạch cầu và tiểu cầu động vật có vú.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                                                     | ml          | 162              |
| 8                                                                                   | Dung dịch rửa máy                                                                                                                                                     | Dung dịch rửa máy sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học.<br>Thành phần tối thiểu: Surfactant, Sodium hypochlorous, Sodium hydroxide.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                                                         | ml          | 8.000            |
| 3                                                                                   | <b>Phần 3 - Mua hóa chất, vật tư dùng cho máy xét nghiệm Miễn dịch sử dụng nguyên lý đo Phosphatase kiềm, hóa phát quang kết hợp enzym, đếm photon (39 mặt hàng).</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |                  |
| 1                                                                                   | Hóa chất định lượng free thyroxine (FT4)                                                                                                                              | Hóa chất xét nghiệm định lượng free thyroxine (FT4) trong huyết tương hoặc huyết thanh người sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch.<br>Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh.<br>Dải bảo cáo: 0.3-6.0 ng/dL<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. | Test        | 4.000            |
| 2                                                                                   | Hóa chất định lượng free triiodothyronine (FT3)                                                                                                                       | Hóa chất xét nghiệm định lượng free triiodothyronine (FT3) trong huyết thanh người.<br>Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                                               | Test        | 4.000            |
| 3                                                                                   | Hóa chất định lượng thyroid-stimulating hormone (TSH)                                                                                                                 | Hóa chất xét nghiệm định lượng thyroid-stimulating hormone (TSH) trong huyết thanh người sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch.<br>Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm.<br>Dải bảo cáo: 0.005-100 $\mu$ IU /mL<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.          | Test        | 4.000            |



| STT                                                                                 | Danh mục hàng hóa                                                                    | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
|  | Hóa chất hiệu chuẩn free triiodothyronine (FT3)                                      | <p>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng free triiodothyronine (FT3) sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch.</p> <p>Thành phần: FT3 tổng hợp ở 3 mức nồng độ.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.</p>                                                                                                         | ml          | 60               |
| 5                                                                                   | Hóa chất hiệu chuẩn free thyroxine (FT4)                                             | <p>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng hiệu chuẩn free thyroxine (FT4) sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch.</p> <p>Thành phần: FT4 tổng hợp ở 3 mức nồng độ.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.</p>                                                                                                     | ml          | 60               |
| 6                                                                                   | Hóa chất hiệu chuẩn thyroid-stimulating hormone (TSH)                                | <p>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng thyroid-stimulating hormone (TSH) sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch.</p> <p>Thành phần: TSH ở 2 mức nồng độ.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.</p>                                                                                                            | ml          | 60               |
| 7                                                                                   | Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg            | <p>Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.</p>                                                                                                                                                          | ml          | 90               |
| 8                                                                                   | Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg             | <p>Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.</p>                                                                                                                                                           | ml          | 90               |
| 9                                                                                   | Hóa chất định lượng tổng số $\beta$ human chorionic gonadotropin (Total $\beta$ HCG) | <p>Hóa chất xét nghiệm định lượng tổng số <math>\beta</math> human chorionic gonadotropin (Total <math>\beta</math> HCG) trong huyết thanh người sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch.</p> <p>Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm.</p> <p>Dải báo cáo: 0.5-5000 mIU/mL</p> <p>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.</p> | Test        | 700              |

| Danh mục hàng hóa                                                                                                                                                                                    | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
|  <p>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Total <math>\beta</math> human chorionic gonadotropin (HCG)</p> | <p>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Total <math>\beta</math> human chorionic gonadotropin (HCG) sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch.<br/>Thành phần: HCG trong đệm Albumin huyết thanh bò (BSA) ở 3 mức nồng độ.<br/>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.</p> | ml          | 42               |
| 11                                                                                                                                                                                                   | <p>Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm FSH, Prolactin, Estradiol, Progesterone, LH, Testosterone, Estriol, Total <math>\beta</math> HCG</p>                                                                                                                      | ml          | 6                |
| 12                                                                                                                                                                                                   | <p>Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm FSH, Prolactin, Estradiol, Progesterone, LH, Testosterone, Estriol, Total <math>\beta</math> HCG</p>                                                                                                                       | ml          | 90               |
| 13                                                                                                                                                                                                   | <p>Hóa chất định lượng Troponin I (TnI)</p>                                                                                                                                                                                                                                  | Test        | 1.000            |
| 14                                                                                                                                                                                                   | <p>Hóa chất định lượng Creatine Kinase MB (CK-MB)</p>                                                                                                                                                                                                                        | Test        | 300              |



| Danh mục hàng hóa                                                                                                        | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                           | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
|  Hóa chất hiệu chuẩn Troponin I (Tnl) | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Troponin I sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch. Thành phần: Troponin I ở 3 mức nồng độ. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485. | ml          | 42               |
| 16                                                                                                                       | Hóa chất định lượng B-type natriuretic peptide (BNP)                                                                                                                        | Test        | 400              |
| 17                                                                                                                       | Hóa chất hiệu chuẩn B-type natriuretic peptide (BNP)                                                                                                                        | ml          | 30               |
| 18                                                                                                                       | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Creatine Kinase MB (CK-MB)                                                                                                    | ml          | 30               |
| 19                                                                                                                       | Hóa chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm Troponin I, BNP, CK-MB, Myoglobin (L)                                                                                                | ml          | 6                |
| 20                                                                                                                       | Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm Troponin I, BNP, CK-MB, Myoglobin (H)                                                                                                    | ml          | 6                |



| Danh mục hàng hóa |                                                             | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                          | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 21                | Hóa chất định lượng kháng nguyên ung thư 125 (CA125)        | Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên ung thư 125 (CA125) trong huyết thanh hoặc huyết tương người sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch.<br>Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm.<br>Dải báo cáo: 1-5000 U / mL<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.         | Test        | 500              |
| 22                | Hóa chất định lượng kháng nguyên carbohydrate 19-9 (CA19-9) | Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên carbohydrate 19-9 (CA19-9) trong huyết tương hoặc huyết thanh người sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch.<br>Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm.<br>Dải báo cáo: 1.0-2000 U/mL.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. | Test        | 500              |
| 23                | Hóa chất định lượng kháng nguyên carcinoembryonic (CEA)     | Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên carcinoembryonic (CEA) trong huyết thanh hoặc huyết tương người sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch.<br>Nguyên lý đo: Xét nghiệm sandwich 2 điểm.<br>Dải báo cáo: 0.2-1000 ng/mL<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.     | Test        | 500              |
| 24                | Hóa chất định lượng alpha-fetoprotein (AFP)                 | Hóa chất xét nghiệm định lượng alpha-fetoprotein (AFP) trong huyết thanh hoặc huyết tương người sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch.<br>Nguyên lý đo: Xét nghiệm sandwich 2 điểm<br>Dải báo cáo: 0.5-1210 ng/mL<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                  | Test        | 500              |

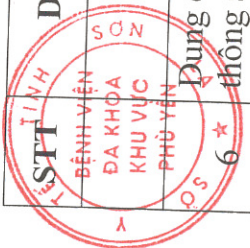


| STT | Danh mục hàng hóa                                                 | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 25  | Hóa chất định lượng kháng nguyên ung thư 15-3 (CA15-3)            | Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên ung thư 15-3 (CA15-3) trong huyết thanh hoặc huyết tương người sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch. Nguyên lý đo: Xét nghiệm sandwich 2 điểm. Dải báo cáo: 1.0-500 U/mL. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.  | Test        | 400              |
| 26  | Hóa chất định lượng kháng nguyên ung thư 72-4 (CA72-4)            | Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên ung thư 72-4 (CA72-4) trong huyết thanh hoặc huyết tương người sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch. Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch 2 điểm. Dải báo cáo: 0.2-300 U/mL. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. | Test        | 500              |
| 27  | Hóa chất hiệu chuẩn định lượng Cancer Antigen 125 (CA125)         | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Cancer Antigen 125 (CA125) sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch. Thành phần: CA125 ở 2 mức nồng độ. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                                      | ml          | 36               |
| 28  | Hóa chất hiệu chuẩn định lượng Carbohydrate Antigen 19-9 (CA19-9) | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Carbohydrate Antigen 19-9 (CA19-9) sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch. Thành phần: CA19-9 ở 2 mức nồng độ. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                             | ml          | 36               |
| 29  | Hóa chất hiệu chuẩn định lượng carcinoembryonic antigen (CEA)     | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng carcinoembryonic antigen (CEA) sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch. Thành phần: CEA ở 2 mức nồng độ. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                                    | ml          | 36               |
| 30  | Hóa chất hiệu chuẩn định lượng Alpha-fetoprotein (AFP)            | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Alpha-fetoprotein (AFP) sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch. Thành phần: AFP ở 2 mức nồng độ.                                                                                                                | ml          | 36               |

| STT | Danh mục hàng hóa                                           | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
|     |                                                             | Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                                                                                                                                                                        |             |                  |
| 31  | Hóa chất hiệu chuẩn định lượng Cancer Antigen 15-3 (CA15-3) | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Cancer Antigen 15-3 (CA15-3) sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch.<br>Thành phần: CA15-3 ở 2 mức nồng độ.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                            | ml          | 36               |
| 32  | Hóa chất hiệu chuẩn định lượng Cancer Antigen 72-4 (CA72-4) | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Cancer Antigen 72-4 (CA72-4) sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch.<br>Thành phần: CA 72-4 trong đệm Albumin huyết thanh người (HSA) ở 3 mức nồng độ.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. | ml          | 36               |
| 33  | Chất kiểm chuẩn mức độ thấp các thông số miễn dịch          | Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm CA125, TPISA, FPSA, AFP, Ferritin, CEA, CA19-9, CA15-3, CA 72-4, CYFRA 21-1 sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                  | ml          | 60               |
| 34  | Chất kiểm chuẩn mức độ cao các thông số miễn dịch           | Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm CA125, TPISA, FPSA, AFP, Ferritin, CEA, CA19-9, CA15-3, CA 72-4, CYFRA 21-1 sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                   | ml          | 60               |
| 35  | Cuvette phản ứng                                            | Cuvette phản ứng dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                                                                                                                 | Cái         | 22.176           |
| 36  | Dung dịch đệm phản ứng                                      | Dung dịch đệm phản ứng sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                                                                                                        | ml          | 3.900            |



| Danh mục hàng hóa |                                                                                                                                                      | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                     | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 38                | Dung dịch rửa                                                                                                                                        | Dung dịch rửa sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                                                          | ml          | 400.000          |
|                   | Dung dịch rửa, làm sạch kim                                                                                                                          | Dung dịch rửa, làm sạch kim hút bệnh phẩm/ hóa chất, mixer và cuvettes sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.                                 | ml          | 5.000            |
|                   | Dung dịch pha loãng mẫu                                                                                                                              | Hóa chất được sử dụng để pha loãng các mẫu có nồng độ chất phân tích đã vượt quá phạm vi đo của hóa chất xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. | ml          | 180              |
| 4                 | <b>Phần 4 - Mua hóa chất, vật tư dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu 10 thông số sử dụng nguyên lý Phương pháp đo 2 bước sóng phản xạ (1 mật hàng)</b> |                                                                                                                                                                                       |             |                  |
| 1                 | Que thử nước tiểu 10 thông số                                                                                                                        | Que thử nước tiểu 10 thông số sử dụng trên máy xét nghiệm nước tiểu.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                                          | Test        | 35.000           |
| 5                 | <b>Phần 5 - Mua hóa chất, vật tư dùng cho máy điện giải đồ 5 thông số trực tiếp bằng phương pháp sử dụng điện</b>                                    |                                                                                                                                                                                       |             |                  |
| 1                 | Điện cực Clo                                                                                                                                         | Dùng để đo nồng độ ion Cl- sử dụng trên máy xét nghiệm điện giải.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                                             | Cái         | 5                |
| 2                 | Điện cực Canxi                                                                                                                                       | Dùng để đo nồng độ ion Ca2+ sử dụng trên máy xét nghiệm điện giải.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                                            | Cái         | 3                |
| 3                 | Điện cực pH                                                                                                                                          | Dùng để đo nồng độ pH sử dụng trên máy xét nghiệm điện giải.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                                                  | Cái         | 2                |
| 4                 | Điện cực Natri                                                                                                                                       | Dùng để đo nồng độ ion Na+ sử dụng trên máy xét nghiệm điện giải.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                                             | Cái         | 2                |
| 5                 | Điện cực Kali                                                                                                                                        | Dùng để đo nồng độ ion K+, sử dụng trên máy xét nghiệm điện giải.                                                                                                                     | Cái         | 3                |

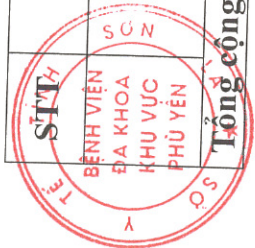
| Danh mục hàng hóa                                                                                       |                                                                                                                  | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                         | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
|                      | Dung dịch rửa máy Ion đồ 5 thông số (K <sup>+</sup> , Na <sup>+</sup> , Cl <sup>-</sup> , Ca <sup>2+</sup> , pH) | Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                                                                                                                                                      |             |                  |
|                                                                                                         | Hóa chất chuẩn Ion đồ (K <sup>+</sup> , Na <sup>+</sup> , Cl <sup>-</sup> , Ca <sup>2+</sup> , pH)               | Dung dịch rửa máy ion đồ 5 thông số: K <sup>+</sup> , Na <sup>+</sup> , Cl <sup>-</sup> , Ca <sup>2+</sup> , pH sử dụng trên máy xét nghiệm điện giải.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                            | ml          | 1.000            |
|                                                                                                         | Hóa chất thử các chất điện giải (K <sup>+</sup> , Na <sup>+</sup> , Cl <sup>-</sup> , Ca <sup>2+</sup> , pH)     | Dung dịch chuẩn Ion đồ 5 thông số: K <sup>+</sup> , Na <sup>+</sup> , Cl <sup>-</sup> , Ca <sup>2+</sup> , pH sử dụng trên máy xét nghiệm điện giải.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                              | ml          | 1.000            |
|                                                                                                         | Hóa chất thử các chất điện giải (K <sup>+</sup> , Na <sup>+</sup> , Cl <sup>-</sup> , Ca <sup>2+</sup> , pH)     | Dung dịch thuốc thử điện giải cho kết quả phân tích 5 thông số: K <sup>+</sup> , Na <sup>+</sup> , Cl <sup>-</sup> , Ca <sup>2+</sup> , pH sử dụng trên máy xét nghiệm điện giải.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. | ml          | 20.000           |
| <b>Phần 6 - Mua sinh phẩm chẩn đoán invitro và hóa chất dùng để định nhóm máu ABO, Rh (13 mặt hàng)</b> |                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                           |             |                  |
| 1                                                                                                       | Thuốc thử xét nghiệm định tính nhóm máu hệ ABO (Anti AB)                                                         | Kháng thể đơn dòng Anti AB.<br>Độ đặc hiệu 100%.<br>Độ chính xác 100%.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                                                                            | ml          | 500              |
| 2                                                                                                       | Thuốc thử xét nghiệm định tính nhóm máu hệ ABO (Anti B)                                                          | Kháng thể đơn dòng Anti B.<br>Độ đặc hiệu 100%.<br>Độ chính xác 100%.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                                                                             | ml          | 500              |
| 3                                                                                                       | Thuốc thử xét nghiệm định tính nhóm máu hệ ABO (Anti A)                                                          | Kháng thể đơn dòng Anti A.<br>Độ đặc hiệu 100%.<br>Độ chính xác 100%.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                                                                             | ml          | 500              |
| 4                                                                                                       | Thuốc thử xét nghiệm định tính nhóm máu Rh (Anti D)                                                              | Kháng thể đơn dòng Anti D.<br>Độ đặc hiệu 100%.<br>Độ chính xác 100%.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                                                                                                             | ml          | 500              |



| Danh mục hàng hóa                                                                                                  | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                     | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
|  Test nhanh định tính Rotavirus | Phát hiện sự có mặt của kháng nguyên vi rút Rota trong mẫu phân của người.<br>Độ nhạy tương quan: 100%.<br>Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 97\%$ .<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                              | Test        | 500              |
| 6 Test nhanh định tính HIV                                                                                         | Phát hiện sự có mặt của các kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người.<br>Độ nhạy: $\geq 99.5\%$ .<br>Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$ .<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. | Test        | 7.960            |
| 7 Test nhanh định tính viêm gan B (HBsAg)                                                                          | Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương người<br>Độ nhạy: 100%.<br>Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$ .<br>Ngưỡng phát hiện: $\geq 1\text{ng/ml}$ .<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.       | Test        | 7.950            |
| 8 Test thử HBeAg                                                                                                   | Phát hiện HBeAg trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người.<br>Độ nhạy: $\geq 96\%$ .<br>Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$ .<br>Khoảng tin cậy: 95%.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                  | Test        | 500              |
| 9 Test nhanh định tính viêm gan C (HCV)                                                                            | Phát hiện định tính kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần phân người<br>Độ nhạy: $\geq 98\%$ .<br>Độ đặc hiệu: $\geq 97\%$ .<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.                      | Test        | 7.950            |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                         | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 10  | Test thử ma túy 5 chỉ số (Amphetamin, Marijuana, Morphin, Codein, Heroin) | <p>Panel thử xét nghiệm nhanh đa chất gây nghiện này là một xét nghiệm miễn dịch sắc ký nhanh để phát hiện định tính nhiều loại chất gây nghiện và chất chuyển hóa của chất gây nghiện trong nước tiểu người ở các nồng độ ngưỡng: Morphin 300ng/ml; Amphetamin 300ng/ml; Marijuana 50ng/ml; Codein 250ng/ml; Heroin 10ng/ml. Độ chính xác &gt; 99.9%.</p> <p>Tỷ trọng mẫu nước tiểu ở các mức độ cao, thấp, bình thường (1.005-1.045) không có ảnh hưởng đến kết quả của test.</p> <p>Nhiệt độ bảo quản 2-30 độ C.</p> | Test        | 3.375            |
| 11  | Test nhanh định tính Dengue                                               | <p>Phát hiện định tính kháng nguyên Dengue trong huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu toàn phần của người.</p> <p>Ngưỡng phát hiện: <math>\geq 0,25</math> ng/ml.</p> <p>Độ nhạy tương quan: 100%.</p> <p>Độ đặc hiệu tương quan: <math>\geq 99.5</math> %.</p> <p>Độ chính xác tương quan: <math>\geq 90</math> %.</p> <p>Không phản ứng chéo với mẫu phẩm Malaria, HIV, HCV, HAV, HBV ....</p> <p>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.</p>                                                                               | Test        | 500              |
| 12  | Test nhanh phát hiện HP dạ dày                                            | <p>Test/kit định tính H.Pylori bằng thuốc thử Urease.</p> <p>Thành phần gồm: Urea; Disodium hydrogen phosphate dihydrate; Potassium dihydrogen phosphate; Agar; Phenol red; nước.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Test        | 3.000            |
| 13  | Test nhanh định tính Cúm (A và B)                                         | <p>Định tính phát hiện và phân biệt kháng nguyên vi rút cúm A (gồm H5N1 và H1N1) và B trong mẫu dịch mũi/dịch họng/ dịch tỵ hầu/ dịch hút rửa mũi và tỵ hầu của người.</p> <p>Cúm A: Độ nhạy tương quan: <math>\geq 99\%</math>, Độ đặc hiệu tương quan: 100%</p>                                                                                                                                                                                                                                                       | Test        | 500              |





| STT                                                                                    | Danh mục hàng hóa | Thông số kỹ thuật                                                                                     | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
|                                                                                        |                   | Cúm B: Độ nhạy tương quan: 100%, Độ đặc hiệu tương quan: 100%<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. |             |                  |
| <b>Tổng cộng (Phần 1 + Phần 2 + Phần 3 + Phần 4 + Phần 5 + Phần 6): 96 mặt hàng./.</b> |                   |                                                                                                       |             |                  |

PHỤ LỤC II  
MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số: 1157/ CV-BVPY ngày 17/10/2025 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Phù Yên)



BÁO GIÁ

Trên cơ sở Công văn số: 1157/ CV-BVPY ngày 17/10/2025 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Phù Yên về việc yêu cầu báo giá, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá hoá chất, vật tư dùng cho máy xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán invitro năm 2025 của Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên, tỉnh Sơn La như sau:

1. Báo giá hoá chất, vật tư dùng cho máy xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán invitro và dịch vụ liên quan:

| STT  | Danh mục thiết bị y tế (Hoá chất, vật tư dùng cho máy xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán invitro) | Thông số kỹ thuật | Ký, mã, nhãn hiệu, model | Hãng sản xuất | Nước sản xuất | Số lưu hành, số GPNK | Đơn vị tính | Số lượng/ khối lượng | Đơn giá (VNĐ) | Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ) | Thuế, lệ phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------|---------------|---------------|----------------------|-------------|----------------------|---------------|-----------------------------------------|-------------------------------------|------------------|
| 1    |                                                                                                |                   |                          |               |               |                      |             |                      |               |                                         |                                     |                  |
| 2    |                                                                                                |                   |                          |               |               |                      |             |                      |               |                                         |                                     |                  |
| .... |                                                                                                |                   |                          |               |               |                      |             |                      |               |                                         |                                     |                  |

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

[Lưu ý: Các nhà cung ứng sẽ chào giá tới địa điểm giao hàng (có nghĩa là giá đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan, các loại thuế liên quan phải trả nếu được trao Hợp đồng). Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế (hàng hóa: hoá chất, vật tư dùng cho máy xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán invitro)].

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày ..... tháng ..... năm ..... [Ghi ngày...tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I- Yêu cầu báo giá].





### 3. Chúng tôi cam kết

Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của thiết bị y tế (*hoá chất, vật tư dùng cho máy xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán invitro*) nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., Ngày.... tháng.... năm...

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất nhà  
cung cấp**  
(*ký tên, đóng dấu*)